

稅務證明申請書(ベトナム語) ĐƠN XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THUẾ

(あて先) 伊賀市長 Kinh gửi Thị trường Iga

年 月 日 (Năm/tháng/ngày)

①窓口に来られた方 (申請の際には本人確認書類をご提示ください。) Người đến quầy (Vui lòng xuất trình giấy tờ tùy thân khi nộp đơn)	現住所 Địa chỉ hiện tại	電話 Điện thoại — —	
	フリガナ Furigana	②の方との関係 Mối quan hệ với ② <input type="checkbox"/> 本人 Bản thân <input type="checkbox"/> 同一世帯の親族 Người thân cùng 1 hộ gia đình <input type="checkbox"/> 代理人 Người đại diện	
	氏名 Họ tên		
	生年月日 Ngày sinh	年 月 日 (Năm/tháng/ngày)	

【注意】 Nếu là người đại diện (ngoài những người thân trong cùng hộ gia đình cư trú tại thành phố) cần có giấy ủy quyền do chính người ủy quyền viết (đính kèm).

②どなたの証明が必要ですか。 Cần giấy chứng nhận của ai?	現住所 Địa chỉ hiện tại	<input type="checkbox"/> 同上 Giống như trên	
	伊賀市での住所 Địa chỉ tại Tp Iga	Iga shi	
	フリガナ Furigana		
	氏名 Họ tên	<input type="checkbox"/> 同上 Giống như trên	
	生年月日 Ngày sinh	年 月 日 (Năm/tháng/ngày)	

③何にお使いになりますか Sử dụng vào mục đích gì?	<input type="checkbox"/> Visa <input type="checkbox"/> VISA	<input type="checkbox"/> Tài chính <input type="checkbox"/> 金融	<input type="checkbox"/> Bảo hiểm/Người phụ thuộc (nộp nơi làm việc) <input type="checkbox"/> 保険・扶養関係 (勤務先提出)		
	<input type="checkbox"/> Trường học / Học bổng <input type="checkbox"/> 学校・奨学金	<input type="checkbox"/> Phúc lợi/Y tế <input type="checkbox"/> 福祉・医療	<input type="checkbox"/> Nhà ở công <input type="checkbox"/> 公営住宅	<input type="checkbox"/> Trợ cấp nuôi con <input type="checkbox"/> 児童手当	
	<input type="checkbox"/> Đăng ký xe <input type="checkbox"/> 車両登録	<input type="checkbox"/> Đăng ký trợ cấp <input type="checkbox"/> 補助金申請	<input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/> その他 ()		

④どの証明が必要ですか Cần giấy chứng nhận gì? 手数料は、証明書1通につき300円です。 Lệ phí là 300 yên/giấy chứng nhận.	<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận thu nhập <input type="checkbox"/> 所得証明書	平成 Heisei 令和 Reiwa	<input type="checkbox"/>	thu nhập của năm 年分の所得	<input type="checkbox"/>	bán 通
	<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận thuế (miễn thuế) <input type="checkbox"/> 課税 (非課税) 証明書	平成 Heisei 令和 Reiwa	<input type="checkbox"/>	năm tài chính 年度	<input type="checkbox"/>	bán 通
	<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận kinh doanh <input type="checkbox"/> 営業証明書		<input type="checkbox"/>	bán 通	<input type="checkbox"/> cá nhân <input type="checkbox"/> 個人	<input type="checkbox"/> pháp nhân <input type="checkbox"/> 法人
	<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận không nợ thuế <input type="checkbox"/> 完納証明書		<input type="checkbox"/>	bán 通		
	<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận nộp thuế <input type="checkbox"/> 納税証明書	令和 Reiwa	<input type="checkbox"/>	năm tài chính 年度	<input type="checkbox"/>	bán 通
			Thuế cư dân Thành phố, Tỉnh <input type="checkbox"/> 市県民税		Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân <input type="checkbox"/> 国民健康保険税	
		Thuế xe hạng nhẹ <input type="checkbox"/> 軽自動車税		Thuế tài sản <input type="checkbox"/> 固定資産税		

市役所記入欄 Cột shiyakusho điền n	本人確認	<input type="checkbox"/> 運転免許証 <input type="checkbox"/> マイナンバーカード <input type="checkbox"/> パスポート <input type="checkbox"/> 在留カード <input type="checkbox"/> 障がい者手帳 <input type="checkbox"/> その他 ()
---------------------------------	-------------	--

受付	作成	交付	証明手数料	支払方法			
				現金	QR	交通系	クレジット 他

レシート NO.